

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÀU BÀNG  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2023/HS-ST  
Ngày: 14-7-2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Dũng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lê Thanh Hồng.

Ông Nguyễn Long Giang

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Diễm Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Thái Hoàng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2023/TLST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2023/QĐST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2023/QĐST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Huỳnh Văn K, sinh năm 1979 tại Bình Dương; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu phố A, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn M (đã chết) và bà Nguyễn Thị P; có vợ là Ung Thị P1 và 01 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 22/02/2000, bị Tòa án nhân dân huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt 04 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 08/HSST; ngày 03/3/2004, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt 14 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự phúc thẩm số 08/HSPT; bị bắt tạm giam từ ngày 10-10-2022 cho đến nay, có mặt.

**- Bị hại:**

+ Ông Bùi Quang T sinh năm 1994; nơi cư trú: ấp D, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước; có mặt.

+ Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1980; nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

+ Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1978; nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

+ Ông Võ Văn T1 sinh năm 1973; nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương; có mặt.

+ Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1976; nơi cư trú: ấp T, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Bà Đinh Thị L, sinh năm 1943; nơi cư trú: ấp Ông T2, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

+ Ông Lê Quyền T3, sinh năm 1981; nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

+ Bà Cao Thị Kim N1, sinh năm 1959; nơi cư trú: ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

*Người làm chứng:*

+ Ông Lê Minh V; vắng mặt.

+ Ông Bùi Trung H; có mặt.

+ Ông Bùi Thanh T4; có mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Về hành vi của bị cáo:

Huỳnh Văn K làm nghề cạo mủ cao su thuê và mua bán các loại vườn cây thanh lý. Để có tiền tiêu xài, K dùng thủ đoạn là tìm và dẫn người muốn mua cây tràm hoặc cao su thanh lý đến những vườn cây tại xã C II hoặc xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương và nói là vườn cây của mình để bán cho những người mua cây thanh lý để chiếm lấy tiền tiêu xài. Với phương thức thủ đoạn như trên, K đã thực hiện những vụ sau:

**Vụ thứ nhất:** Ngày 19/01/2019, Huỳnh Văn K cùng với ông Lê Minh V và ông Bùi Quang T đến vườn cây cao su tại ấp Ô, xã C II của ông Bùi Thanh T4. Tại đây, K bán cho ông T 70 cây cao su với giá 40.000.000 đồng thì T đồng ý. Đến khoảng 09 giờ, ngày 20/01/2019, K và ông V đến quán cà phê tại huyện C, tỉnh Bình Phước (không rõ tên quán và địa chỉ), tại đây, T đưa cho Khỏe 20.000.000 đồng tiền cọc mua 70 cây cao su nói trên, sau đó K và ông T ký hợp đồng đặt cọc. Đến ngày 25/01/2019, K gọi điện thoại cho T nói có vườn cây thanh lý cần bán thì T và em trai của T là Bùi Trung H xuống nhà Khỏe tại ấp C, xã T, K dẫn T và H đến vườn cây cao su tại ấp Ô, xã C, huyện B, tỉnh Bình

Dương của ông Bùi Thanh T4 bán 280 cây cao su, sau khi xem cây xong cả 03 về quán C thuộc ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, tại đây K và T thỏa thuận với nhau và thống nhất bán cho T tiếp 280 cây cao su với giá 115.000.000 đồng và K nhận 10.000.000 đồng tiền cọc mua cây cao su từ T. Đến khoảng 08 giờ sáng ngày 26/01/2019 T cùng với H xuống nhà ông N2 (Lê Minh V), tại đây K nhận thêm 40.000.000 đồng tiền cọc từ T và hai bên có làm hợp đồng viết tay với nhau thỏa thuận 60 ngày sau sẽ cưa cây với tổng số tiền là 70.000.000 đồng và ông T đã hủy hợp đồng đặt cọc đã ký với Khỏe ngày 19/01/2019. Sau khi đó, ông T phát hiện bị Khỏe lừa nên trình báo Công an xã T. K đã chiếm đoạt 70.000.000 đồng của ông T.

**Vụ thứ hai:** Ngày 01/02/2019, Huỳnh Văn K dẫn ông Nguyễn Văn N đến vườn cây cao su tại ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương do ông Lê Quyền T3 là chủ sở hữu, K nói với ông N là 20 cây cao su là của K, K muốn bán với giá 14.500.000 đồng, ông N đồng ý mua. Khoảng 10 giờ cùng ngày, K đến nhà ông N tại ấp B, xã T nhận 14.500.000 đồng tiền mua cây từ ông N, K và ông N đã ký hợp đồng mua bán cây. Đến khoảng 17 giờ ngày 01/02/2019, ông N bán lại 20 cây cao su nói trên cho bà Cao Thị Kim N1 với giá 15.000.000 đồng. Ngày 25/02/2019, bà N1 cho thợ cưa đến cưa vườn cây cao su nói trên được 12 cây thì nhận được điện thoại của Khỏe yêu cầu ngừng cưa do còn một số vấn đề cần giải quyết với chủ vườn cao su khi nào giải quyết xong sẽ cưa cây tiếp. Sau khi cưa được cây, bà N1 đã bán cho người không rõ họ tên, địa chỉ với giá 8.000.000 đồng. Đến ngày 04/3/2019, ông T3 phát hiện vườn cao su của mình bị cưa nên đã trình báo Công an xã T, cùng lúc này ông N cũng trình báo Công an xã T về hành vi lừa đảo của K. Khỏe đã chiếm đoạt 14.500.000 đồng của ông N.

**Vụ thứ ba:** Khoảng 11 giờ, ngày 13/02/2019, Huỳnh Văn K dẫn ông Nguyễn Văn X đến vườn trà bông vàng của bà Đinh Thị L thuộc ấp Ông T2, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương kêu bán cho ông X vườn trà bông vàng khoảng 500 cây với giá 33.000.000 đồng, ông X đồng ý mua. Sau đó vào khoảng 12 giờ cùng ngày, K và X đến quán C1 thuộc ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương tại đây X đưa cho K 8.000.000 đồng tiền cọc để mua vườn trà nói trên. Đến khoảng 07 giờ, ngày 14/02/2019, thì X đưa cho K 25.000.000 đồng còn lại tại vườn trà bông vàng của bà L và có làm hợp đồng thỏa thuận bằng giấy viết tay với nhau. Đến khoảng 08 giờ, ngày 14/02/2019, X cùng 02 thợ cưa là ông Nguyễn Trung Â và ông Nguyễn Văn Y tiến hành cưa vườn trà bông vàng của bà L đến ngày 18/2/2019 thì cưa xong. Sau đó ông X bán toàn bộ số gỗ và củi trà sau khi cưa được cho một người đàn ông tên Tiêm ở huyện B (không rõ họ tên và địa chỉ) với giá 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng). Khỏe đã chiếm đoạt của bị hại X số tiền 33.000.000 đồng.

**Vụ thứ tư:** Khoảng 11 giờ, ngày 17/02/2019, Huỳnh Văn K dẫn ông Nguyễn Văn X đến vườn cây cao su tại ấp Ô, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương của bà Lê Thị T5 nói bán cho ông X 13 hàng cây cao su số lượng 300 cây cao su với giá 40.000.000 đồng, K nói là tài sản của K thì ông X đồng ý mua. Sau khi thỏa thuận xong, khoảng 12 giờ cùng ngày, K và ông X về nhà của K tại ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, tại đây Khỏe nhận của ông X 15.000.000 đồng

tiền cọc mua 300 cây cao su và hai bên làm hợp đồng viết tay với nhau thỏa thuận 10 ngày sau kể từ khi làm hợp đồng sẽ được phép cưa cây và bên mua phải thanh toán đủ số tiền còn lại (25.000.000 đồng). Sau khi đặt cọc, ông X phát hiện bị lừa nên trình báo Công an xã T. K đã chiếm đoạt số tiền 15.000.000 đồng của bị hại X.

**Vụ thứ năm:** Khoảng 17 giờ, ngày 24/02/2019, Huỳnh Văn K dẫn ông Võ Văn T1 và ông Nguyễn Văn S đến 02 vườn tràm bông vàng có số lượng 21 cây, tại ấp Ông T2, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương của 02 người chủ khác nhau là ông Nguyễn Văn B và ông Trần Văn S1 (vườn tràm bông vàng của ông B số lượng 16 cây và vườn tràm của ông S1 số lượng 05 cây) K nói với ông T1 và ông S là 02 vườn tràm bông vàng số lượng 21 cây nói trên K đã mua lại của 01 người khác với giá 35.000.000 đồng, muốn bán lại cho ông T1 để kiếm tiền lời. Sau khi thỏa thuận với nhau thì ông T1 đồng ý mua 21 cây tràm bông vàng nói trên của K với giá 38.000.000 đồng. Sau đó K, ông T1 và ông S đến quán cà phê tại xã C II (không rõ tên, địa chỉ cụ thể), tại đây K nhận 10.000.000 đồng tiền cọc mua tràm của ông T1. Đến khoảng 18 giờ, ngày 25/02/2019, K đến nhà S tại đây K nhận 28.000.000 đồng của ông T1 là số tiền mà ông T1 đưa cho K để mua 21 cây tràm bông vàng nói trên và 02 bên thỏa thuận đến ngày 04/3/2019 thì ông T1 sẽ cưa cây. Đến khoảng 08 giờ sáng, ngày 27/02/2019 K gọi điện thoại cho ông T1 nói có khoảng 25 cây tràm bông vàng phía sau UBND xã C kêu bán với giá 55.000.000 đồng nếu ông T1 đồng ý mua thì K sẽ hùng 01 phần tiền mua tràm với ông T1, ông T1 tin tưởng nên không đi xem cây mà đồng ý mua, đến khoảng 19 giờ ngày 28/02/2019, K đến nhà ông T1 tại ấp L, xã L, huyện D nhận 25.000.000 đồng của ông T1 và hẹn ngày 01/3/2019 thì ông T1 sẽ qua cưa tràm. Đến ngày 01/3/2019 ông T1 gọi điện thoại cho K để kêu K dẫn đến vườn tràm bông vàng phía sau UBND xã C II để cưa cây nhưng không liên lạc được. Ông T1 và ông S biết bị K lừa nên đã trình báo Công an xã C, huyện B. K đã chiếm đoạt số tiền 63.000.000 đồng của ông T1 và ông S.

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương, Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã truy nã bị cáo, đến ngày 10-10-2022 bị cáo K bị bắt và tạm giam.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Huỳnh Văn K đã khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo như đã nêu trên, các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến gì về hành vi phạm tội của bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Huỳnh Văn K đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Về các vấn đề khác của vụ án:

Theo Bản Kết luận định giá tài sản số 145/KL-HĐĐGTS ngày 21/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: 12 cây cao su có đường kính từ 40cm đến 50cm, kết luận tổng giá trị tài sản trên là 5.040.000 đồng.

Theo Bản Kết luận định giá tài sản số 140/KL-HĐĐGTS ngày 13/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B kết luận: 481 cây trà bông vàng được trồng 07 năm tuổi gồm: 56 cây trà bông vàng có đường kính 50cm, 44 cây trà bông vàng có đường kính 45cm, 183 cây trà bông vàng có đường kính 20cm đến 40cm, 198 cây trà bông vàng có đường kính 10cm đến 20cm, kết luận tổng giá trị tài sản trên là 61.310.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, ông T yêu cầu bị cáo K bồi thường số tiền là 70.000.000 đồng, bị cáo K đồng ý bồi thường số tiền này. Ngày 17/6/2019, ông N thay bị cáo K bồi thường số tiền 5.040.000 đồng cho ông T3. Ông N yêu cầu bị cáo K bồi thường số tiền là 14.500.000 đồng và 5.040.000 đồng thay mặt bị cáo K bồi thường cho ông T3, tổng số tiền ông N yêu cầu bồi thường là 19.540.000 đồng. Bị cáo K đồng ý bồi thường số tiền này. Đối với số tiền 15.000.000 đồng, ông N bán được cây, ông N không đồng ý trả lại. Đối với số tiền 8.000.000 đồng bà N1 không đồng ý trả lại, bà N1 yêu cầu ông N trả lại 15.000.000 đồng. Bà N1 và ông N sẽ giải quyết bằng một vụ án khác khi bà N1 và ông N có yêu cầu. Đối với số tiền 33.000.000 đồng mà K đã chiếm đoạt của ông X, ông X không yêu cầu trả lại số tiền trên. Đối với số tiền lời từ việc bán cây trà bông là 27.000.000 đồng, ông X không đồng ý trả lại. Đối với bà L, bà L yêu cầu bị cáo K bồi thường số cây trà bông mà ông X đã mua trị giá 61.310.000 đồng, bị cáo K đồng ý bồi thường số tiền này. Qua quá trình điều tra, ông X yêu cầu bị cáo K bồi thường 15.000.000 đồng, bị cáo K đồng ý bồi thường số tiền này. Ông T1 và ông S yêu cầu bị cáo K bồi thường số tiền 63.000.000 đồng, bị cáo K đồng ý bồi thường số tiền này.

Tại phiên tòa, ông N yêu cầu bị cáo K bồi thường số tiền là 14.500.000 đồng, bị cáo K đồng ý bồi thường số tiền này.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến gì về các vấn đề trên.

- Về trích dẫn Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản Cáo trạng số 26/CT-VKS ngày 06 tháng 3 năm 2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Huỳnh Văn K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Về mức hình phạt: Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Huỳnh Văn K mức án: từ 05 đến 06 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: ông T yêu cầu bị cáo K bồi thường số tiền là 70.000.000 đồng, ông N yêu cầu bị cáo K bồi thường số tiền là 14.500.000 đồng; bà L yêu cầu bị cáo K bồi thường số tiền là 61.310.000 đồng; ông X yêu cầu bị cáo K bồi thường số tiền là 15.000.000 đồng; ông T1 và ông S yêu cầu bị

cáo K bồi thường số tiền là 63.000.000 đồng, bị cáo K đồng ý bồi thường cho các bị hại, bà L số tiền như trên nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến gì về quyết định truy tố, trình bày luận tội của Viện Kiểm sát.

Bị cáo Huỳnh Văn K nói lời sau cùng: bị cáo đã biết hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Huỳnh Văn K đã khai nhận: từ ngày 19/01/2019 đến ngày 28/02/2019, tại khu vực xã C II và xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, bị cáo Huỳnh Văn K đã 05 lần dùng thủ đoạn gian dối lừa bán những vườn cây (cao su, trà) không phải tài sản của bị cáo K để bán cho ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn X, ông Bùi Quang T, ông Võ Văn T1 và ông Nguyễn Văn S để chiếm đoạt tổng số tiền là 195.500.000 đồng. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, phù hợp lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, nội dung bản Cáo trạng và diễn biến tại phiên tòa.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Về nhận thức, bị cáo biết việc dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hậu quả là bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại tổng số tiền là 195.500.000 đồng. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Vì tham lam tư lợi, muốn hưởng thụ nhưng lười lao động nên bị cáo đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm trực tiếp đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự, trị an ở địa phương. Hội đồng xét xử quyết định xử bị cáo một mức án tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo đồng thời cũng nhằm phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Huỳnh Văn K phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm

2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Cáo trạng truy tố là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo K thực hiện hành vi phạm tội 05 lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về nhân thân: ngày 22/02/2000, bị Tòa án nhân dân huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt 04 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 08/HSST; ngày 03/3/2004, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt 14 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự phúc thẩm số 08/HSPT, bị cáo đã chấp hành xong các bản án trên và đã được xóa án tích theo quy định. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương, Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã ra quyết định truy nã bị cáo, đến ngày 10-10-2022 bị cáo K bị bắt và tạm giam.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với bị cáo tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự: trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, ông T yêu cầu bị cáo K bồi thường số tiền là 70.000.000 đồng, ông N yêu cầu bị cáo K bồi thường số tiền là 14.500.000 đồng; bà L yêu cầu bị cáo K bồi thường số tiền là 61.310.000 đồng; ông X yêu cầu bị cáo K bồi thường số tiền là 15.000.000 đồng; ông T1 và ông S cùng yêu cầu bị cáo K bồi thường số tiền là 63.000.000 đồng, bị cáo K đồng ý bồi thường cho các bị hại, bà L số tiền như trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo.

[9] Đối với 12 cây cao su đã cưa tại vườn cây của ông T3 thì ông N đã bán cây cho bà N1, bà N1 đã bán cây cho người khác (không rõ nhân thân) nên không thu hồi được, ông N, ông T3 và bà N1 đã tự giải quyết về việc mua bán cây và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với số cây tràm đã cưa tại vườn cây của bà L thì ông X đã bán cây cho người khác (không rõ nhân thân) nên không thu hồi được, ông X không có yêu cầu gì đối với số tiền 33.000.000 đồng trong vụ án này, bà L cũng không có yêu cầu gì với ông X, bị cáo không có yêu cầu gì, các bên không tranh chấp không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp các bên có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật bằng vụ án khác.

[10] Về án phí: bị cáo Huỳnh Văn K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 106, Điều 135 và khoản 2 Điều 136, các khoản 1, 2 Điều 260, khoản 1 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Mục 1, Phần I Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo) của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn K phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn K 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2022.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Huỳnh Văn K có trách nhiệm bồi thường cho ông Bùi Quang T số tiền là 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng.

Buộc bị cáo Huỳnh Văn K có trách nhiệm bồi thường cho ông Nguyễn Văn N số tiền là 14.500.000 (mười bốn triệu năm trăm nghìn) đồng.

Buộc bị cáo Huỳnh Văn K có trách nhiệm bồi thường cho ông Nguyễn Văn X số tiền là 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

Buộc bị cáo Huỳnh Văn K có trách nhiệm bồi thường cho ông Võ Văn T1 và ông Nguyễn Văn S số tiền 63.000.000 (sáu mươi ba triệu) đồng.

Buộc bị cáo Huỳnh Văn K có trách nhiệm bồi thường cho bà Đinh Thị L số tiền là 61.310.000 (sáu mươi một triệu ba trăm mười nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: bị cáo Huỳnh Văn K phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 11.190.500 đồng (mười một triệu một trăm chín mươi nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Công TTĐT TANDTC (nếu có);
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**Nguyễn Quốc Dũng**